

CỤC THỦY SẢN  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,  
KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH  
NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Số: 802 /QĐ-TTKN-CNKN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**V/v cấp Giấy chứng nhận lô sản phẩm nhập khẩu**  
**phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM,**  
**KIỂM NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN**

*Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TS-VP ngày 01/7/2024 của Cục trưởng Cục Thủy sản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Căn cứ văn bản số 1078/TĐC-HCHQ ngày 29/3/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và văn bản số 356/GCN-BKH-CN ngày 06/9/2024 của Bộ Khoa học và Công nghệ về chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản;*

*Xét báo cáo ngày 17/02/2025 của Đoàn đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;  
Theo đề nghị của Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 02-31-2:2019/BNNT cho 04 sản phẩm của Công ty TNHH Rừng Biển, địa chỉ: 18 Đường số 3, phường Tân Kiểng, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Giấy chứng nhận và kết quả thử nghiệm của sản phẩm kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực từ ngày ký. Giấy chứng nhận chỉ có giá trị đối với lô hàng nêu tại Quyết định này. Trong thời gian hiệu lực của chứng nhận, Công ty TNHH Rừng Biển được phép sử dụng Giấy chứng nhận, dấu hợp quy (CR) theo hướng dẫn tại Website của Trung tâm.

**Điều 3.** Trưởng phòng Chứng nhận và Quản lý kiểm nghiệm; Trưởng phòng Quản lý dịch vụ và Khách hàng; Công ty TNHH Rừng Biển, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Sở NN&PTNT TP. Hồ Chí Minh;
- Giám đốc TT (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng TT (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Lê Văn Yến**

**Phụ lục**  
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY**  
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025  
của Giám đốc Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản)

| STT | Tên sản phẩm                                                                                     | Giấy đăng ký Kiểm dịch/Mã hồ sơ | Phòng thử nghiệm                                                         | Kết quả thử nghiệm |                  |         |                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|---------|-------------------|
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị           | Kết quả | Phương pháp thử   |
| 1   | Luctarom Milky 78882Z (HQ.25.00945) (Nhóm Hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật) | BNNPTNT29 240031492             | Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I | Asen (As) vô cơ    | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Chì (Pb)           | mg/kg (LOQ=0,6)  | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Thủy ngân (Hg)     | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Escherichia coli   | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Salmonella spp.    | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |
| 2   | Luctarom Milky 79741Z (HQ.25.00946) (Nhóm Hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật) |                                 |                                                                          | Asen (As) vô cơ    | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Chì (Pb)           | mg/kg (LOQ=0,6)  | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Thủy ngân (Hg)     | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Escherichia coli   | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Salmonella spp.    | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |
| 3   | Luctarom Milky 78883Z (HQ.25.00947) (Nhóm Hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật) |                                 |                                                                          | Asen (As) vô cơ    | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Chì (Pb)           | mg/kg (LOQ=0,6)  | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Thủy ngân (Hg)     | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Escherichia coli   | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                                                                                                  |                                 |                                                                          | Salmonella spp.    | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |



| STT | Tên sản phẩm                                                                                           | Giấy đăng ký Kiểm dịch/Mã hồ sơ | Phòng thử nghiệm                                                         | Kết quả thử nghiệm      |                  |         |                   |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------|------------------|---------|-------------------|
|     |                                                                                                        |                                 |                                                                          | Tên chỉ tiêu            | Đơn vị           | Kết quả | Phương pháp thử   |
| 4   | Luctamax AQ<br>78084Z<br>(HQ.25.00948)<br>(Nhóm Hoạt chất sinh học và sản phẩm chiết xuất từ thực vật) | BNNPTNT29<br>240031492          | Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I | Asen (As) vô cơ         | mg/kg (LOQ=0,9)  | KPH     | EN 16278:2012     |
|     |                                                                                                        |                                 |                                                                          | Chì (Pb)                | mg/kg (LOQ=0,6)  | KPH     | TCVN 9588:2013    |
|     |                                                                                                        |                                 |                                                                          | Thủy ngân (Hg)          | mg/kg (LOQ=0,05) | KPH     | EN 16277:2012     |
|     |                                                                                                        |                                 |                                                                          | <i>Escherichia coli</i> | CFU/g            | <10     | TCVN 7924-2:2008  |
|     |                                                                                                        |                                 |                                                                          | <i>Salmonella</i> spp.  | /25g             | KPH     | TCVN 10780-1:2017 |

Ghi chú: KPH - không phát hiện

